

Số: **162** /TTr-UBND

Bình Phước, ngày **07** tháng **7** năm 2022

TỜ TRÌNH

Thông qua bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, như sau:

I. Sự cần thiết bổ sung điều chỉnh

Ngày 17/6/2022, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 136/TTr-UBND về Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022 trình kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2022, được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra và thống nhất tại Báo cáo số 35/BC-HĐND-KTNS ngày 20/6/2022.

Tuy nhiên, do điều chỉnh số thu tiền sử dụng đất 543 tỷ đồng, trong đó để lại cho thị xã Bình Long 359 tỷ đồng và huyện Bù Đốp 184 tỷ đồng theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Vì vậy, phải bổ sung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho phù hợp.

II. Kế hoạch điều chỉnh

1. Giảm tiền sử dụng đất khối tỉnh 543 tỷ đồng, đồng thời tăng tương ứng tiền sử dụng đất khối huyện 543 tỷ đồng, như vậy nguồn thu sử dụng đất không thay đổi so với tờ trình trước đây.

2. Phương án xử lý:

a) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất khối tỉnh giảm: Giảm số vốn đã bố trí cho các dự án là 543 tỷ đồng, trong đó dự án khối tỉnh quản lý giảm 288 tỷ đồng, dự án khối huyện quản lý giảm 255 tỷ đồng (*chi tiết tại Biểu số 1*).

b) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất khối huyện tăng: Tăng vốn phân cấp cho các huyện, thị xã từ nguồn thu sử dụng đất được để lại theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh với số vốn là 543 tỷ đồng, trong đó thị xã Bình Long là 359 tỷ đồng và huyện Bù Đốp là 184 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Biểu 1**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHỞI TỈNH GIẢM NĂM 2022**(Ban hành kèm theo Tờ trình số **208** /TT-UBND ngày **07** tháng **7** năm 2022

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh giảm thêm	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ (A+B)	543.000	
A	Khởi tỉnh quản lý	288.000	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	288.000	
1	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	47.700	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	14.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	100.780	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	65.520	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	30.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	30.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
B	Khởi huyện quản lý	255.000	
I	Thành phố Đồng Xoài	15.000	
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	15.000	UBND TP Đồng Xoài
II	Thị xã Phước Long	30.000	
1	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	10.000	UBND thị xã Phước Long
2	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	10.000	UBND thị xã Phước Long
3	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	10.000	UBND thị xã Phước Long
III	Thị xã Bình Long	40.000	
1	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	40.000	UBND thị xã Bình Long
IV	Huyện Đồng Phú	25.000	
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	13.000	UBND huyện Đồng Phú
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	7.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	5.000	UBND huyện Đồng Phú
V	Huyện Phú Riềng	15.000	
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	15.000	UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh giảm thêm	Chủ đầu tư
VI	Huyện Bù Đăng	20.000	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	10.000	UBND huyện Bù Đăng
2	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	2.000	UBND huyện Bù Đăng
3	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	5.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	3.000	UBND huyện Bù Đăng
VII	Huyện Bù Đốp	30.000	
1	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	15.000	UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	15.000	UBND huyện Bù Đốp
VIII	Huyện Bù Gia Mập	25.000	
1	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	10.000	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kì qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	5.000	UBND huyện Bù Gia Mập
3	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	10.000	UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Huyện Hớn Quản	20.000	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	5.000	UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	15.000	UBND huyện Hớn Quản
X	Huyện Lộc Ninh	20.000	
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2.000	UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	6.000	UBND huyện Lộc Ninh
3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	5.000	UBND huyện Lộc Ninh
4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	7.000	UBND huyện Lộc Ninh
XI	Huyện Chơn Thành	15.000	
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	15.000	UBND huyện Chơn Thành

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Dự thảo lần 2

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 2 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 từ nguồn tạm mượn dự phòng ngân sách địa phương thực hiện 02 dự án khẩn cấp;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Tờ trình số --/TTr-UBND ngày -- tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Báo cáo thẩm tra số --/BC-HĐND-KTNS ngày--tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022 với các nội dung như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022 là 7.481 tỷ 382 triệu đồng, tăng 126 tỷ 246 triệu đồng so với kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, cụ thể:

1. Điều chỉnh tăng nguồn ngân sách trung ương 284 tỷ 116 triệu đồng và phân bổ thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 156 tỷ 060 triệu đồng.
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 876 triệu đồng.
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 127 tỷ 180 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm dự phòng ngân sách địa phương (02 dự án khẩn cấp) 62 tỷ 900 triệu đồng.

3. Điều chỉnh giảm nguồn vốn ngân sách địa phương 94 tỷ 970 triệu đồng, trong đó:

- Khởi huyện tăng: 1.097 tỷ 600 triệu đồng tiền thu sử dụng đất, bố trí lại cho từng huyện.

- Khởi tỉnh giảm: 1.192 tỷ 570 triệu đồng (giảm 1.252 tỷ 570 triệu đồng tiền thu sử dụng đất; tăng thu cân đối khởi tỉnh chuyển sang chi XDCB 30 tỷ đồng; tăng 30 tỷ đồng xổ số kiến thiết).

II. Phương án phân bổ: 7.481 tỷ 382 triệu đồng.

1. Vốn ngân sách địa phương: 6.128 tỷ 366 triệu đồng.

Bao gồm:

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước: 507 tỷ 840 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 300 tỷ 510 triệu đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 144 tỷ 497 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 104 tỷ 497 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 40 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 62 tỷ 833 triệu đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 4.738 tỷ 326 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 2.592 tỷ 296 triệu đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 1.758 tỷ 263 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 1.066 tỷ 295 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 691 tỷ 968 triệu đồng.

- Chương trình MTQG nông thôn mới: 370 tỷ 600 triệu đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 1 tỷ 167 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng 16 tỷ đồng.

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

c) Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết: 833 tỷ 600 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn thực hiện dự án: 714 tỷ 200 triệu đồng.

+ Dự án chuyển tiếp: 243 tỷ 900 triệu đồng.

+ Dự án khởi công mới: 470 tỷ 300 triệu đồng.

- Chương trình MTQG nông thôn mới: 119 tỷ 400 triệu đồng.

Riêng nguồn thu xổ số kiến thiết bố trí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và y tế là 602 tỷ 600 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 72,3%; bố trí vốn cho xây dựng nông thôn mới là 119 tỷ 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14% đảm bảo không thấp hơn quy định của trung ương.

d) Vốn hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh: 30 tỷ đồng.

e) Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 18 tỷ 600 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu số 1, phụ lục 1.1; 1.2; 1.3; 1.4)

2. Nguồn ngân sách trung ương: 1.353 tỷ 016 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn trong nước (Kèm theo Biểu số 2, phụ lục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4): 1.284 tỷ 116 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài (Kèm theo Biểu số 3): 68 tỷ 900 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ35 + NQ04)			Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022			Tăng	Giảm	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
	TỔNG SỐ	7.355.136	7.267.636	87.500	7.481.382	7.393.882	87.500	1.441.716	1.315.470	
I	Vốn ngân sách địa phương	6.223.336	6.204.736	18.600	6.128.366	6.109.766	18.600	1.157.600	1.252.570	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	477.840		507.840	507.840		30.000		Tăng thu cân đối khối tỉnh chuyển sang chi XDCB 30 tỷ
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.893.296	4.893.296	-	4.738.326	4.738.326	-	1.097.600	1.252.570	
	Khối tỉnh	3.398.600	3.398.600		2.146.030	2.146.030			1.252.570	
	Khối huyện	1.494.696	1.494.696		2.592.296	2.592.296		1.097.600		
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	803.600	803.600		833.600	833.600		30.000		
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	18.600		18.600	18.600		18.600			Tinh vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập-Lộc Hiệp
5	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	30.000	30.000		30.000	30.000				
II	Vốn ngân sách trung ương	1.068.900	1.000.000	68.900	1.353.016	1.284.116	68.900	284.116		
1	Vốn trong nước	1.000.000	1.000.000		1.284.116	1.284.116		284.116		
	Trong đó:									
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				156.060	156.060		156.060		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				876	876		876		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				127.180	127.180		127.180		
2	Vốn nước ngoài	68.900		68.900	68.900		68.900			
III	Dự phòng ngân sách địa phương (02 dự án khẩn cấp)	62.900	62.900						62.900	

Ghi chú: Tiền SDĐ khối tỉnh giao điều chỉnh năm 2022 là 2.500 tỷ đồng. Để lại 353 tỷ 970 triệu đồng, bao gồm: 100 tỷ đồng chi đo đạc hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai; trích 2% dự phòng là 71 tỷ 400 triệu đồng; bù hụt thu tiền sử dụng đất năm 2021 là 182 tỷ 570 triệu đồng (hụt thu năm 2021 là 439 tỷ 468 triệu đồng - 107 tỷ 898 triệu đồng, kết dư năm 2020 chuyển sang - 149 tỷ đồng thu cân đối năm 2021 của khối tỉnh chuyển sang). Còn lại bố trí đầu tư công năm 2022 là 2.146 tỷ 030 triệu đồng.

Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
	Tổng số	6.286.236	477.840	4.893.296	803.600	18.600	30.000	62.900	6.128.366	507.840	4.738.326	833.600	18.600	30.000	-	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	1.795.206	300.510	1.494.696	-	-	-	-	2.892.806	300.510	2.592.296	-	-	-	-	-
1	Thành phố Đồng Xoài	309.680	29.400	280.280					156.800	29.400	127.400					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	84.084		84.084					38.220		38.220					
2	Thị xã Bình Long	134.855	25.095	109.760					758.919	25.095	733.824					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	32.928		32.928					220.147		220.147					
3	Thị xã Phước Long	99.015	22.575	76.440					338.135	22.575	315.560					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	22.932		22.932					94.668		94.668					
4	Huyện Đồng Phú	153.020	31.500	121.520					149.100	31.500	117.600					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	36.456		36.456					35.280		35.280					
5	Huyện Bù Đăng	98.336	31.500	66.836					117.740	31.500	86.240					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	20.051		20.051					25.872		25.872					
6	Huyện Bù Gia Mập	65.905	25.725	40.180					129.605	25.725	103.880					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.054		12.054					31.164		31.164					
7	Huyện Chơn Thành	430.745	26.985	403.760					333.725	26.985	306.740					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	121.128		121.128					92.022		92.022					

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
8	Huyện Hớn Quản	112.070	25.830	86.240					185.570	25.830	159.740					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25.872		25.872					47.922		47.922					
9	Huyện Lộc Ninh	165.340	34.020	131.320					234.920	34.020	200.900					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	39.396		39.396					60.270		60.270					
10	Huyện Bù Đốp	66.535	23.415	43.120					372.295	23.415	348.880					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.936		12.936					104.664		104.664					
11	Huyện Phú Riềng	159.705	24.465	135.240					115.997	24.465	91.532					
	Trong đó:															
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	40.572		40.572					27.460		27.460					
B	Vốn thực hiện dự án	3.921.030	114.497	3.010.833	684.200	18.600	30.000	62.900	2.665.560	144.497	1.758.263	714.200	18.600	30.000	-	
B1	Dự án chuyển tiếp	1.930.712	114.497	1.458.815	308.800	18.600	30.000	-	1.463.292	104.497	1.066.295	243.900	18.600	30.000	-	
I	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)								16.640		16.640					Sở Tài chính
II	Đối ứng dự án PPP	70.600	-	70.600	-	-	-	-	70.600	-	70.600	-	-	-	-	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	70.600		70.600					70.600		70.600					Sở Xây dựng
III	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	1.261.330	60.000	1.152.730	-	18.600	30.000	-	836.930	29.000	759.330	-	18.600	30.000	-	-
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	47.330		47.330					34.330		34.330					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng cầu dân sinh	46.000		46.000					46.000		46.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35.000		35.000					25.000		25.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tĩnh lý	78.000		78.000					2.300		2.300					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	78.000		78.000					34.000		34.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30.000		30.000					30.000		30.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	50.600		32.000		18.600			50.600		32.000		18.600			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12.000		12.000					12.000		12.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800		14.800					14.800		14.800					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nám)	29.000		29.000					19.000		19.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	50.000		50.000					12.000		12.000					UBND Huyện Đồng Phú
12	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000		30.000					27.750		27.750					UBND Huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000		35.000					10.550		10.550					UBND Huyện Đồng Phú
14	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	40.000		40.000					25.000		25.000					UBND Huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	24.000		24.000					20.000		20.000					UBND Huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	50.000		50.000					9.000		9.000					UBND Huyện Hớn Quản
18	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	60.000	60.000						29.000	29.000						UBND TP Đồng Xoài
19	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	12.000		12.000					8.000		8.000					UBND TP Đồng Xoài
20	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500		10.500					10.500		10.500					UBND TX Phước Long
21	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32.000		32.000					32.000		32.000					UBND TX Phước Long

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
22	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38.700		38.700					38.700		38.700					UBND TX Bình Long
23	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	40.000		40.000					10.000		10.000					UBND huyện Chơn thành
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000		36.000					36.000		36.000					UBND huyện Chơn thành
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	22.000		22.000					9.000		9.000					UBND huyện Bù Đăng
26	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Bù Đăng
27	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21.000		21.000					21.000		21.000					UBND huyện Lộc Ninh
29	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	30.000					30.000		30.000					30.000		UBND huyện Bù Gia Mập
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia mập	42.000		42.000					11.000		11.000					UBND huyện Bù Gia Mập
31	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	10.000		10.000					10.000		10.000					UBND huyện Bù Đốp
32	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400		37.400					23.400		23.400					UBND huyện Lộc Ninh
33	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000		25.000					1.000		1.000					UBND huyện Phú Riềng
34	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	55.000		55.000					55.000		55.000					UBND huyện Phú Riềng
35	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Phú Riềng
36	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20.000		20.000					20.000		20.000					UBND huyện Phú Riềng
IV	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	109.600	-	109.600	-	-	-	-	86.100	-	86.100	-	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30.000		30.000					30.000		30.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25.000		25.000					25.000		25.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Dự phòng ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
3	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.600		30.600					11.100		11.100					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương, công thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	24.000		24.000					20.000		20.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Thủy lợi	22.000	-	22.000	-	-	-	-	22.000	-	22.000	-	-	-	-	
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000		17.000					17.000		17.000					UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000		5.000					5.000		5.000					UBND Huyện Hớn Quản
VI	Giáo dục và Đào tạo	288.500	-	-	288.500	-	-	-	192.500	-	-	192.500	-	-	-	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	50.000			50.000				30.000			30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25.000			25.000				20.000			20.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	30.000			30.000				30.000			30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	50.000			50.000				-							Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000			35.000				35.000			35.000				UBND TX Bình Long
6	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000			15.000				15.000			15.000				UBND huyện Bù Đốp
7	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500			7.500				1.500			1.500				UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500			7.500				2.500			2.500				UBND huyện Bù Đốp
9	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đốp	15.000			15.000				5.000			5.000				UBND huyện Bù Đốp
10	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đốp	7.000			7.000				7.000			7.000				UBND huyện Bù Đốp
11	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20.000			20.000				20.000			20.000				UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500			7.500				7.500			7.500				UBND huyện Lộc Ninh
13	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	19.000			19.000				19.000			19.000				UBND huyện Bù Gia Mập
VII	Y tế	20.300	-	-	20.300	-	-	-	4.300	-	-	4.300	-	-	-	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300			20.300				4.300			4.300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Văn hóa xã hội	89.700	22.000	67.700	-	-	-	-	129.700	43.000	86.700	-	-	-	-	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	31.200		31.200					71.200		71.200					Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng không chế truyền dẫn	22.000	22.000						22.000	22.000						Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	26.500		26.500					26.500	21.000	5.500					Đài PTTH và Báo Bình Phước
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000		10.000					10.000		10.000					UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Quốc phòng - An ninh	14.800	-	14.800	-	-	-	-	14.800	-	14.800	-	-	-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000		8.000					8.000		8.000					Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800		6.800					6.800		6.800					Công an tỉnh
X	Tất toán công trình đã quyết toán	21.385		21.385					57.225		10.125	47.100				Phụ lục 1.1
XI	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	32.497	32.497						32.497	32.497						Sở KHĐT
B2	Dự án khởi công mới	1.990.318	-	1.552.018	375.400	-	-	62.900	1.202.268	40.000	691.968	470.300	-	-	-	
I	Hoàn trả nguồn tạm mượn dự phòng NSDP thực hiện 02 dự án khẩn cấp	62.900	-	-	-	-	-	62.900	62.900	-	-	62.900	-	-		
1	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900						32.900	32.900			32.900				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000						30.000	30.000			30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Giao thông và Hạ tầng đô thị	1.229.018	-	1.229.018	-	-	-	-	512.468	-	512.468	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264.549		264.549					33.769		33.769					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50.000		50.000					-		-					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	130.469		130.469					48.999		48.999					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000		50.000					50.000		50.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000		40.000					40.000		40.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15.000		15.000					2.000		2.000					UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Chơn thành
8	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30.000		30.000					10.000		10.000					UBND huyện Chơn thành
9	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND huyện Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kì qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30.000		30.000					18.000		18.000					UBND huyện Bù Gia Mập
11	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38.000		38.000					21.000		21.000					UBND huyện Bù Gia Mập
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	22.000		22.000					12.000		12.000					UBND huyện Bù Đốp
13	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	40.000		40.000					15.000		15.000					UBND huyện Bù Đốp
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20.000		20.000					10.000		10.000					UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	40.000		40.000					15.000		15.000					UBND huyện Bù Đốp
16	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000		35.000					15.000		15.000					UBND TX Phước long
17	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	30.000		30.000					10.000		10.000					UBND TX Phước long
18	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30.000		30.000					12.000		12.000					UBND TX Phước long
19	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17.000		17.000					10.000		10.000					UBND TX Phước long
20	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000		30.000					30.000		30.000					UBND TX Bình Long
21	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80.000		80.000					-		-					UBND TX Bình Long
22	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	20.000		20.000					4.000		4.000					UBND huyện Lộc Ninh
23	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	15.000		15.000					1.700		1.700					UBND huyện Lộc Ninh
24	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	20.000		20.000					3.000		3.000					UBND huyện Lộc Ninh
25	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000		20.000					10.000		10.000					UBND TP Đồng Xoài
26	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000		45.000					45.000		45.000					UBND TP Đồng Xoài
27	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15.000		15.000					8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	15.000		15.000					8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:							
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh		Dự phòng ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
29	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	15.000		15.000					8.000		8.000					UBND huyện Phú Riềng
30	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000		12.000					12.000		12.000					UBND huyện Hớn Quản
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	60.000	-	60.000	-	-	-	-	42.000	-	42.000	-	-	-	-	
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000		15.000					15.000		15.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15.000		15.000					9.000		9.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15.000		15.000					9.000		9.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15.000		15.000					9.000		9.000					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp	20.000	-	20.000	-	-	-	-	20.000	-	20.000	-	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10.000		10.000					10.000		10.000					Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10.000		10.000					10.000		10.000					Liên minh HTX tỉnh
V	Giáo dục và Đào tạo	383.400	-	98.000	285.400	-	-	-	345.400	-	92.500	252.900	-	-	-	
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50.000			50.000				20.000			20.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học	273.000	-	98.000	175.000	-	-	-	273.000	-	92.500	180.500	-	-	-	
2.1	Thị xã Bình Long (30 phòng)	21.000		7.000	14.000				21.000		7.000	14.000				
2.2	Thị xã Phước Long (30 phòng)	21.000		7.000	14.000				21.000		7.000	14.000				
2.3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)	49.000		14.000	35.000				49.000		14.000	35.000				
2.4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)	21.000		7.000	14.000				21.000		7.000	14.000				
2.5	Huyện Hớn Quản (40 phòng)	28.000		7.000	21.000				28.000		7.000	21.000				
2.6	Huyện Bù Gia Mập (30 phòng)	21.000		7.000	14.000				21.000		7.000	14.000				
2.7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)	35.000		14.000	21.000				35.000		14.000	21.000				
2.8	Huyện Bù Đốp (10 phòng)	7.000			7.000				7.000			7.000				
2.9	Huyện Bù Đăng (100 phòng)	70.000		35.000	35.000				70.000		29.500	40.500				
3	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400			12.400				12.400			12.400				UBND huyện Đồng Phú

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022 (NQ 35 + NQ 04)							Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022							Chủ đầu tư
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	Dự phòng ngân sách địa phương	
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000			10.000				10.000			10.000				UBND huyện Hớn Quản
5	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9.000			9.000				1.000			1.000				UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000			9.000				9.000			9.000				UBND huyện Lộc Ninh
7	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000			10.000				10.000			10.000				UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000			10.000				10.000			10.000				UBND huyện Bù Đốp
VI	Y tế	90.000	-	-	90.000	-	-	-	90.000	-	-	90.000	-	-	-	
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000			25.000				25.000			25.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000			25.000				25.000			25.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40.000			40.000				40.000			40.000				Sở Y tế
VII	Văn hóa xã hội	90.000	-	90.000	-	-	-	-	74.500	40.000	-	34.500	-	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	40.000		40.000					40.000	40.000						Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50.000		50.000					34.500			34.500				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VIII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số	30.000	-	30.000	-	-	-	-	30.000	-	-	30.000	-	-	-	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30.000		30.000					30.000			30.000				Sở TT&TT
VIII	Quốc phòng - An ninh	25.000	-	25.000	-	-	-	-	25.000	-	25.000	-	-	-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000		15.000					15.000		15.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công An tỉnh	10.000		10.000					10.000		10.000					Công an tỉnh
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	490.000		370.600	119.400				490.000		370.600	119.400				Phụ lục 1.2
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80.000	62.833	17.167					64.000	62.833	1.167					Phụ lục 1.3
E	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								16.000		16.000					Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn

Phụ lục 1.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NĂM 2022 TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2022			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022			Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết			
	Tổng số		21.385	21.385	-	57.225	10.125	47.100	35.840		
1	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019	1500/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	265	265		265	265			Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nốt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	1718/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	732	732		732	732			Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	1713/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	7	7		7	7			BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tả thiết (giai đoạn 2)	1933/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	91	91		91	91			BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1934/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	1.591	1.591		1.591	1.591			UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Trường Mầm non Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	1938/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	189	189		189	189			UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2168/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	384	384		384	384			UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	2623/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	1.985	1.985		1.985	1.985			BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2022			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022			Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết			
9	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2624/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	2.501	2.501		2.501	2.501			BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2716/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	796	796		796	796			UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2717/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	64	64		64	64			BQLDA đầu tư xây dựng huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	2845/QĐ-UBND ngày 4/11/2021	98	98		98	98			BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	3035/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.129	2.129		2.129		2.129		UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	3017/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	687	687		687		687		BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	160/QĐ-STC ngày 10/11/2021	1.264	1.264		1.264		1.264		BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	3090/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	6.717	6.717		6.717		6.717		UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	3081/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	1.885	1.885		1.885		1.885		UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Nâng cấp mở rộng đường Lộc Tấn – Bù Đốp đoạn từ xã Tân Tiến đến trung tâm hành chính huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước dài 8,2Km (từ Km16+000 – Km24+200) theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (BT)	309/QĐ-UBND ngày 22/2/2022				21.273		21.273	21.273	Sở Giao thông vận tải	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2022			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022			Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết			
19	Kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính Phủ	445/QĐ-UBND ngày 11/3/2022				573		573	573	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Tiến Hưng diện tích 92,958 ha	2155/QĐ-UBND ngày 26/8/2021				13.994	1.422	12.572	13.994	Ban quản lý Khu kinh tế	Không vượt tổng mức đầu tư

Phụ lục 1.2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

Nguồn vốn ngân sách địa phương

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chỉ tiêu (km)	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022			Ghi chú
				Tổng số	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	TỔNG SỐ		490.000	490.000	370.600	119.400	
I	Trả nợ xi măng năm 2021			93.750	93.750		Giao Văn phòng điều phối CTMTQG XD nông thôn mới phối hợp các đơn vị thực hiện theo đúng quy định
II	Mua sắm tập trung xi măng 2022			89.644	88.850	794	
III	Hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn	508		118.606	-	118.606	
1	Huyện Đồng Phú	40		9.958		9.958	
2	Huyện Lộc Ninh	100		26.050		26.050	
3	Huyện Hớn Quản	90		24.340		24.340	
4	Huyện Bù Đăng	127		29.259		29.259	
5	Huyện Phú Riềng	50		12.811		12.811	
6	Huyện Bù Gia Mập	40		13.710		13.710	
7	Huyện Bù Đốp	23		2.478		2.478	
8	Huyện Chơn Thành	23					Chi hỗ trợ xi măng theo định mức
9	Thành phố Đồng Xoài	7					
10	Thị xã Phước Long	5					
11	Thị xã Bình Long	3					
IV	Hỗ trợ 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới			105.000	105.000		
1	Huyện Bù Đốp			15.000	15.000		
	Xã Phước Thiện			15.000	15.000		
2	Huyện Phú Riềng			15.000	15.000		
	Xã Long Hà			15.000	15.000		
3	Huyện Bù Đăng			30.000	30.000		
	Xã Đoàn Kết			15.000	15.000		
	Xã Thọ Sơn			15.000	15.000		

4	Huyện Hớn Quản			15.000	15.000		
	Xã Minh Đức			15.000	15.000		
5	Huyện Lộc Ninh			30.000	30.000		
	Xã Lộc Hòa			15.000	15.000		
	Xã Lộc Thành			15.000	15.000		
V	Hỗ trợ 8 xã phần đầu về đích NTM nâng cao			63.000	63.000		
1	Huyện Đồng Phú			9.000	9.000		
	Xã Thuận Phú			9.000	9.000		
2	Huyện Hớn Quản			9.000	9.000		
	Xã Đồng Nơ			9.000	9.000		
3	Huyện Lộc Ninh			9.000	9.000		
	Xã Lộc Điền			9.000	9.000		
4	Huyện Bù Gia Mập			9.000	9.000		
	Xã Phú Nghĩa			9.000	9.000		
5	Huyện Phú Riềng			9.000	9.000		
	Xã Long Hưng			9.000	9.000		
6	Huyện Bù Đăng			9.000	9.000		
	Xã Đức Liễu			9.000	9.000		
7	Huyện Chơn Thành			4.500	4.500		
	Xã Minh Thắng			4.500	4.500		
8	TX Phước Long			4.500	4.500		
	Xã Long Giang			4.500	4.500		
VI	Hỗ trợ hoàn thiện tiêu chí huyện NTM			20.000	20.000		
1	Huyện Lộc Ninh			20.000	20.000		Chuẩn bị cho huyện Lộc Ninh về đích NTM năm 2023 theo Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 14/10/2020

Phụ lục 1.3
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM BÈN VỮNG NĂM 2022

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022 (Nghị quyết số 35/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2021)	Kế hoạch điều chỉnh năm 2022
	Tổng cộng	80.000	64.000
I	Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số		56.481,5
1	Huyện Phú Riềng		1.676
2	Huyện Bù Đốp		2.946,5
3	Huyện Bù Gia Mập		18.695,5
4	Huyện Hớn Quản		7.981,5
5	Huyện Bù Đăng		17.855
6	Huyện Lộc Ninh		7.327
II	Mô hình Giảm nghèo		7.518,5
1	Huyện Bù Đăng		2.000
2	Huyện Bù Đốp		1.618,5
3	Huyện Bù Gia Mập		2.400
4	Huyện Lộc Ninh		1.500

Phụ lục 1.4
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TĂNG, GIẢM NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022	Tăng	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ (A+B)	2.308.233	1.115.663	171.380	1.363.950		
A	Khối tỉnh	1.254.833	717.263	171.380	708.950		
I	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		16.640	16.640		Theo thỏa thuận cho vay lại giữa tỉnh và Bộ Tài chính với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ cho dự án	Sở Tài chính
II	Bổ trí vốn thực hiện 2 dự án khẩn cấp		62.900	62.900		Hoàn trả dự phòng ngân sách địa phương	
II	Tất toán công trình đã quyết toán	21.385	57.225	35.840		Bổ sung vốn các dự án đã được phê duyệt quyết toán	
IV	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80.000	64.000		16.000	Do Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số đã thực hiện lồng ghép vào Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
V	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		16.000	16.000		Đối ứng ngân sách địa phương cho Chương trình theo quy định của Chính phủ	
VI	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.103.448	500.498	40.000	642.950		
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	47.330	34.330		13.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	35.000	25.000		10.000	Không có khối lượng, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	78.000	2.300		75.700	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	78.000	34.000		44.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nôm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nôm)	29.000	19.000		10.000	Không có khối lượng, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022	Tăng	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
6	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	30.600	11.100		19.500	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	24.000	20.000		4.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Trường Cao đẳng Bình Phước	50.000	30.000		20.000	Không có khối lượng, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	25.000	20.000		5.000	Không có khối lượng, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300	4.300		16.000	Không có khối lượng, không có khả năng giải ngân hết vốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	31.200	71.200	40.000		Đã giải ngân hết vốn đã giao, cần bổ sung thêm để hoàn thành công trình phục vụ Đại hội thể dục thể thao tỉnh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	264.549	33.769		230.780	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	50.000	-		50.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	130.469	48.999		81.470	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000	50.000			Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000	15.000			Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	15.000	9.000		6.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	15.000	9.000		6.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
19	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	15.000	9.000		6.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
20	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	50.000	34.500		15.500	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022	Tăng	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
21	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	50.000	20.000		30.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Sở Giáo dục và Đào tạo	50.000	-		50.000		
1	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	50.000			50.000	Chưa phê duyệt dự án, không có khả năng giải ngân	Sở Giáo dục và Đào tạo
B	Khối huyện	1.053.400	398.400	-	655.000		
I	Thành phố Đồng Xoài	92.000	47.000	-	45.000		
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	60.000	29.000		31.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND TP Đồng Xoài
2	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	12.000	8.000		4.000	Không có khối lượng, khả năng không giải ngân hết vốn	UBND TP Đồng Xoài
3	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	20.000	10.000		10.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND TP Đồng Xoài
II	Thị xã Phước Long	112.000	47.000	-	65.000		
1	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	35.000	15.000		20.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND thị xã Phước Long
2	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	30.000	10.000		20.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND thị xã Phước Long
3	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	30.000	12.000		18.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND thị xã Phước Long
4	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	17.000	10.000		7.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND thị xã Phước Long
III	Thị xã Bình Long	80.000	-	-	80.000		
1	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	80.000	-		80.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND thị xã Bình Long
IV	Huyện Đồng Phú	115.000	50.300	-	64.700		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022	Tăng	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	50.000	12.000		38.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Đồng Phú
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000	27.750		2.250	Không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Đồng Phú
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000	10.550		24.450	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Đồng Phú
V	Huyện Phú Riềng	70.000	25.000		45.000		
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000	1.000		24.000	Không có khối lượng, khả năng không giải ngân hết vốn	UBND huyện Phú Riềng
2	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	15.000	8.000		7.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Phú Riềng
3	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	15.000	8.000		7.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Phú Riềng
4	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	15.000	8.000		7.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Phú Riềng
VI	Huyện Bù Đăng	76.000	21.000	-	55.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	22.000	9.000		13.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Bù Đăng
2	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	15.000	5.000		10.000	Không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Bù Đăng
3	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500	1.500		6.000	Không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Bù Đăng
4	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500	2.500		5.000	Không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Bù Đăng
5	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	15.000	2.000		13.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đăng
6	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	9.000	1.000		8.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đăng
VII	Huyện Bù Đốp	122.000	52.000	-	70.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	22.000	12.000		10.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	40.000	15.000		25.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đốp
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	20.000	10.000		10.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm 2022	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022	Tăng	Giảm	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư
4	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	40.000	15.000		25.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Đốp
VIII	Huyện Bù Gia Mập	110.000	50.000		60.000		
1	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	42.000	11.000		31.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	30.000	18.000		12.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Gia Mập
3	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	38.000	21.000		17.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Bù Gia Mập
IX	Huyện Hớn Quản	114.000	54.000	-	60.000		
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	40.000	25.000		15.000	Khả năng không giải ngân hết vốn	UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	24.000	20.000		4.000	Khả năng không giải ngân hết vốn	UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	50.000	9.000		41.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Hớn Quản
X	Huyện Lộc Ninh	92.400	32.100	-	60.300		
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400	23.400		14.000	Khả năng không giải ngân hết vốn	UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	20.000	4.000		16.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Lộc Ninh
3	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	15.000	1.700		13.300	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Lộc Ninh
4	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	20.000	3.000		17.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Lộc Ninh
XI	Huyện Chơn Thành	70.000	20.000	-	50.000		
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	40.000	10.000		30.000	Vướng GPMB, không có khả năng giải ngân hết vốn	UBND huyện Chơn Thành
2	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	30.000	10.000		20.000	Đến 22/6/2022 chưa đấu thầu xây lắp, không có khả năng giải ngân	UBND huyện Chơn Thành

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.000.000	1.284.116	284.116		
A	Các chương trình mục tiêu quốc gia		284.116	284.116		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		156.060	156.060	Chi tiết Phụ lục 2.2	Nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia tại Phụ lục 2.1
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		876	876	Chi tiết Phụ lục 2.3	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		127.180	127.180	Chi tiết Phụ lục 2.4	
B	Các chương trình mục tiêu	1.000.000	1.000.000	-		
I	Các dự án chuyên tiếp	726.800	726.800	-		
1	Giao thông	696.800	696.800	-		
1.1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	71.800	71.800		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
1.2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	500.000	500.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
1.3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	125.000	125.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Nông nghiệp, thủy lợi	30.000	30.000	-		
2.1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	30.000	30.000		UBND TP Đồng Xoài	
II	Các dự án khởi công mới năm 2022	273.200	273.200	-		
1	Giao thông	50.000	50.000	-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Tăng	Chủ đầu tư	Ghi chú
1.1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Ché Biền đi cầu Đỏ xã Lộc Điền)	50.000	50.000		UBND huyện Lộc Ninh	
2	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	170.000	170.000	-		
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	70.000	70.000		UBND huyện Hớn Quản	
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	100.000	100.000		UBND huyện Đồng Phú	
3	Quốc phòng	53.200	53.200	-		
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	53.200	53.200		Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	

Phụ lục 2.1

NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi	%	Giảm 3/4 so với năm 2021
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,71
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
3.1	Cấp huyện		
	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	huyện	5
3.2	Cấp xã		
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	85,6
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	18,2

Phụ lục 2.2

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBĐTTS và MN NĂM 2022**

Nguồn vốn ngân sách trung ương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng số	156.060	
1	Dự án thành phần 1	25.450	Giao Ban dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết vốn TW cho các đơn vị khi có thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành TW và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất
2	Dự án thành phần 2	77.937	
3	Dự án thành phần 4	40.301	
4	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án thành phần 5	6.708	
5	Dự án thành phần 6	5.210	
6	Dự án thành phần 10	454	

Phụ lục 2.3

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

Nguồn vốn ngân sách trung ương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2022	ghi chú
	Tổng số	876	
	Dự án 4: Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	876	
I	Các sở, ban, ngành tỉnh	613	Giao Sở LĐTB&XH phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
II	Các huyện, thị, thành phố	263	
1	Thị xã Phước Long	14	
2	Thị xã Đồng Xoài	19	
3	Thị xã Bình Long	14	
4	Huyện Bù Gia Mập	29	
5	Huyện Lộc Ninh	27	
6	Huyện Phú Riềng	23	
7	Huyện Bù Đốp	21	
8	Huyện Hớn Quản	33	
9	Huyện Đồng Phú	20	
10	Huyện Bù Đăng	42	
11	Huyện Chơn Thành	19	

Phụ lục 2.4

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

Nguồn vốn ngân sách trung ương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	Tổng số	127.180	
I	Thưởng phúc lợi	7.000	
1	Đơn vị cấp huyện, thị xã, thành phố	6.000	
1.1	TX Phước Long	3.000	Chủ tịch nước tặng huân chương lao động hạng 3
1.2	TX Bình Long	3.000	
2	Đơn vị cấp xã	1.000	
	xã Đức Liễu - huyện Bù Đăng	1.000	Thủ tướng tặng bằng khen
II	Huyện phấn đấu về đích năm 2023	15.000	
	Lộc Ninh	15.000	
III	Xã ATK chưa đạt chuẩn NTM	1.691	
1	xã Lộc Thành-huyện Lộc Ninh	1.691	
IV	Xã Đặc Biệt Khó khăn	10.995	
1	Xã Bù Gia Mập	2.199	
2	Xã Đak O	2.199	
3	Xã Phú Văn	2.199	
4	Lộc Phú	2.199	
5	Lộc Quang	2.199	
V	Xã phấn đấu về đích	92.494	
1	Mình Tâm	4.919	
2	An Phú	4.919	
3	Lộc Khánh	4.919	
4	Lộc Quang	4.919	
5	Hưng Phước	4.919	
6	Phước Minh	4.920	
7	Long Bình	4.920	
8	Long Tân	4.920	
9	Đường 10	4.920	
10	Thống Nhất	4.920	
11	Mình Đức	6.185	
12	Lộc Thành	6.186	
13	Lộc Hòa	6.186	
14	Phước Thiện	6.185	
15	Long Hà	6.185	

Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT								
				Trong đó:								
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
							Tổng số	Trong đó:				
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900	68.900	
1	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900	68.900	Ban QLDA ĐTXD tỉnh